CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02-BK/LTV/2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0274-3827470 Fax: 0274-3827471

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 3700232139

Nhà máy Lotte đã được chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm FSSC 22000. Số giấy chứng nhận: VN 18/00013. Ngày cấp: 03/03/2018.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm:

Thực phẩm bổ sung BÁNH GẤU KOALA'S MARCH NHÂN KEM DÂU

2. Thành phần:

Hỗn hợp sô cô la trắng 60% (dầu hạt cọ, dầu cọ, dầu hạt cải hydrogen hóa toàn phần, đường, lactose, bột whey khử khoáng, sữa bột tách béo, chất nhũ hóa INS322), bột mì, tinh bột bắp, shortening (dầu cọ tinh chế, stearin từ cọ tinh chế, dầu hạt cọ tinh chế, chất nhũ hóa INS471, chất chống oxy hóa INS307), đường kính trắng, trứng, đường nghịch đảo, chất dinh dưỡng bổ sung canxi: canxi carbonat (canxi: 530 mg/100 g), chất tạo xốp INS503(ii), muối, hương dâu nhân tạo, màu tự nhiên INS150d, chất điều chỉnh độ acid INS330, bột dâu (0,06%), chất tạo xốp INS500(ii), hương sữa nhân tạo, màu thực phẩm tổng hợp INS129, hương vani nhân tạo.

Thông tin lưu ý: sản phẩm có chứa lúa mì, sữa, trứng và đậu nành, có thể chứa các loại hạt và lúa mạch.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 15 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng: xem "Manufacturing date" và "Best before" trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách bao gói:

Sản phẩm được đóng trong màng OPP/MCPP, bên ngoài là hộp giấy.

Khối lượng tịnh: 37 g/hộp; 195 g/hộp.

4.2. Chất liệu bao bì:

Màng OPP/MCPP chuyên dùng cho thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Xuất xứ: Thái Lan
- Nhà sản xuất: Thai Lotte Co., Ltd
- Địa chỉ: 700/830 Moo6, Tambol Nongtamlung, Amphur Panthong, Chonburi 20160 Thailand.
- Nhà máy Thái Lotte đã được chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm FSSC 22000. Số giấy chứng nhận: TH14/7582. Ngày cấp: 28/11/2016

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(xem mẫu nhãn sản phẩm đính kèm.)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Bình Dương, ngày 22 tháng 06 năm 2018

TM. CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Tổng Giám Đốc

AKIHIRO YAMADA

Công ty TNHH Lotte Việt Nam

Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

BẢNG MỨC ĐÁP ỨNG NHU CẦU DINH DƯỠNG TRONG 100g SẢN PHẨM

(Theo thông tư 43/2014/TT-BYT)

Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung BÁNH GẤU KOALA'S MARCH NHÂN KEM DÂU

Hàm lượng Canxi trong sản phẩm: ~ 530 mg/100g

Nhóm tuổi, giới	Ca (Calcium)
Trẻ nhỏ	
3 tuổi	106 %
4-6 tuổi	88 %
7-9 tuổi	76 %
Nam vị thành niên	
10-12 tuổi	53
13-15 tuổi	
16-18 tuổi	
Nam trưởng thành	
19-50 tuổi	76
51-60 tuổi	53
≥ 60 tuổi	
Nữ vị thành niên	
10-12 tuổi (Chưa có kinh nguyệt)	53
10-12 tuổi	
13-15 tuổi	
16-18 tuổi	
Nữ trưởng thành	
19-49 tuổi	76
50-60 tuổi	53
>60 tuổi	
Phụ nữ mang thai	
3 tháng đầu	53
3 tháng giữa	
3 tháng cuối	
Bà mẹ cho con bú (trong suốt cả thời kỳ cho bú)	53
6 tháng đầu	
6 tháng sau	

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM
Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phú Thọ, Thủ Dầu Một, Bình Dương
Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471

LOTTE

Sản phẩm	Thực phẩm bổ sung **Bánh gấu Koala's March nhân kem dâu**
Loại bao bì	Hộp 37 g

Phê duyệt TGĐ	Phê duyệt GĐNM	Kiểm tra nội dung Phòng QLCL
Akihiro Yamada	Nguyễn Thị Thanh	Hồ Thị Kim Ngân

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM
Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phú Thọ, Thủ Dầu Một, Bình Dương
Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471

LOTTE

Sản phẩm	Thực phẩm bổ sung **Bánh gấu Koala's March nhân kem dâu**
Loại bao bì	Hộp 195 g

Phê duyệt TGĐ	Phê duyệt GĐNM	Kiểm tra nội dung Phòng QLCL
Akihiro Yamada	Nguyễn Thị Thanh	Hồ Thị Kim Ngân

KT3-00352ATP9/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu
Name of sample
: **THỰC PHẨM BỔ SUNG: BÁNH GẤU KOALA'S MARCH NHÂN KEM DÂU (LOTTE KOALA'S MARCH STRAWBERRY)**

2. Mô tả mẫu
Sample description
: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.

3. Số lượng mẫu
Quantity
: 01

4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving
: 10/01/2019

5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration
: 11/01/2019 - 21/01/2019

6. Nơi gửi mẫu
Customer
: **CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM**
Đường Võ Minh Đức, P. Phú Thọ, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương

7. Kết quả thử nghiệm
Test results
: Xem trang / *See page* 02 - 03/03

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam — Tel: (84-28) 3829 4274 — Fax: (84-28) 3829 3012 — Website: www.quatest3.com.vn
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam — Tel: (84-251) 383 6212 — Fax: (84-251) 383 6298 — E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam — Tel: (84-28) 3742 3160 — Fax: (84-28) 3742 3174 — E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 – TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG – BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Hàm lượng carbohydrate, g/100 g *Carbohydrate content*	US-FDA 21CFR 101.9	-	63,8
7.2. Hàm lượng protein, g/100 g *Protein content*	QTTN/KT3 140:2016 Kjeldahl method (Ref: FAO FNP 14/7 (P.221)-1986)	-	3,76
7.3. Hàm lượng béo, g/100 g *Fat content*	QTTN/KT3 139:2016 (Có thủy phân) (Ref: FAO FNP 14/7 (P.214)-1986)	-	28,6
7.4. Năng lượng/*Calories*	QTTN/KT3 024:2018		
• kcal/100 g		-	$5,28 \times 10^2$
• kJ/100 g		-	$2,21 \times 10^3$
7.5. Độ ẩm, g/100 g *Moisture content*	QTTN/KT3 136:2016	-	1,97
7.6. Hàm lượng natri, mg/100 g *Sodium content*	AOAC 2016 (969.23)	-	218
7.7. Hàm lượng chì, mg/kg *Lead content*	QTTN/KT3 083:2012	0,03	Không phát hiện *Not detected*
7.8. Hàm lượng cadimi, mg/kg *Cadmium content*	QTTN/KT3 083:2012	0,03	Không phát hiện *Not detected*
7.9. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg *Total arsenic content*	TCVN 8427:2010	0,01	Không phát hiện *Not detected*
7.10. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg *Mercury content*	QTTN/KT3 064:2016	0,015	Không phát hiện *Not detected*
7.11. Hàm lượng aflatoxin ($B_1+B_2+G_1+G_2$), µg/kg *Aflatoxin ($B_1+B_2+G_1+G_2$) content*	TCVN 7596:2007	0,10	Không phát hiện *Not detected*
7.12. Hàm lượng aflatoxin B_1, µg/kg *Aflatoxin B_1 content*	TCVN 7596:2007	0,25	Không phát hiện *Not detected*
7.13. Hàm lượng melamine, µg/kg *Melamine content*	QTTN/KT3 051:2018 (Ref: TCVN 9048:2012)	100	Không phát hiện *Not detected*
7.14. Hàm lượng canxi, mg/100 g *Calcium content*	QTTN/KT3 167:2017 (Ref: AOAC 2016 (985.01))	-	512
7.15. Hàm lượng deoxynivalenol (DON), µg/kg *Deoxynivalenol content*	QTTN/KT3 089:2018 (LC/MS/MS)	20	Không phát hiện *Not detected*
7.16. Hàm lượng zearalenone, µg/kg *Zearalenone content*	QTTN/KT3 224:2018 (Ref: TCVN 9591:2013)	15	Không phát hiện *Not detected*

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu *Characteristic*		Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.17. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, *Total aerobic plate count*	CFU/g	ISO 4833-1:2013	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.18. Coliform,	CFU/g	ISO 4832:2006	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.19. *E. Coli,*	MPN/g	ISO 16649-3:2015	-	0
7.20. *Staphylococcus aureus,*	CFU/g	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.21. *Bacillus cereus* giả định, *Presumtive Bacillus cereus*	CFU/g	ISO 7932:2004	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.22. Tổng số nấm men, *Total yeasts*	CFU/g	ISO 21527-2:2008	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.23. Tổng số nấm mốc, *Total moulds*	CFU/g	ISO 21527-2:2008	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.24. *Clostridium perfringens,*	CFU/g	ISO 7937:2004	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*

Ghi chú/*Notes*: Hàm lượng protein/ *Protein content* = 6,25 x Hàm lượng nitơ/ *Nitrogen content*
(*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.*